

Bản án số: 196/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20/09/2024

V/v tranh chấp ly hôn.

## **NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỐC OAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI.**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

**- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Đỗ Ngọc Sơn.

**- *Các Hội thẩm nhân dân:***

+ Ông Tạ Văn Thắng.

+ Bà Nguyễn Thị Hoa.

**- *Thư ký phiên tòa:*** Ông Tạ Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 106/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 06 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 08 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2024/QĐHPT-HNGĐ ngày 10/09/2024 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị **Tạ Thị Th**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: TDP Ng, thị trấn Q, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội. Có mặt.

**Bị đơn:** Anh **Bùi Thế T**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Xóm 5, thôn 4, xã Th, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Căn cứ vào đơn khởi kiện, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Tạ Thị Th trình bày:*** Chị và anh Bùi Thế T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th ngày 18/04/2008. Quá trình chung sống thời kì đầu vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng năm 2017 – 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, gánh nặng về kinh tế trong gia đình, bị chồng bạo hành. Anh T hay chửi mắng dọa nạt, đánh đập chị khiến chị cảm thấy cuộc sống luôn bị áp lực về tâm lý, cuộc sống hôn nhân ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Vợ chồng chị đã cố gắng hoà giải nhưng không có kết quả. Hai vợ chồng đã ly thân

khoảng 5 năm nay, chị chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống. Nay chị nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc, không thể đoàn tụ được nữa, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Thế T.

Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung là Bùi Đức T1, sinh ngày 03/11/2008; Bùi Văn Tường L, sinh ngày 28/08/2010; Bùi Phan Thái A, sinh ngày 03/05/2013. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Phan Thái A, nhưng cả 03 con có nguyện vọng được tiếp tục sống với bố; nhận thấy từ năm 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân thì anh T vẫn giữ cả 03 con ở với anh Th, cuộc sống của các con vẫn được hai bên chăm sóc ổn định nên chị đồng ý theo nguyện vọng của các con và giao cho anh T tiếp tục nuôi cả bà con.

Do anh T không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chung nên chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Từ trước đến nay chị vẫn thường xuyên cấp cấp đồ ăn thức uống và đóng học đầy đủ cho các con, sau khi ly hôn chị vẫn sẽ tự có trách nhiệm chăm sóc các con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Theo anh T trình bày khoảng năm 2017 chị có mượn tiền của bố đẻ anh T là ông Bùi Văn T2 (đã chết năm 2020) với số tiền khoảng 200.000.000 đồng và anh T có đi vay hộ chị số tiền 300.000.000 đồng để làm ăn kinh doanh nhưng bị thua lỗ là không đúng sự thật. Chị khẳng định chị không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ. Anh Bùi Thế T vay tiền của ai, ở đâu hoặc cho ai vay tiền thì chị không biết.

Đối với Giấy cam kết nhận nợ: Anh Bùi Thế T yêu cầu chị viết một giấy nhận nợ anh T số tiền 500.000.000 đồng là do anh T chửi mắng, đánh đập ép buộc chị viết và ký tên. Việc viết giấy trên chị hoàn toàn không tự nguyện mà viết giấy trong tình trạng bị ép buộc (Chị không lưu giữ giấy cam kết nhận nợ trên vì anh T cảm nên chị không cung cấp được cho Tòa án).

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về công nợ.

**Tại văn bản ngày 18/06/2024, các văn bản tiếp theo, bị đơn là anh Bùi Thế T trình bày:** Anh và chị Tạ Thị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th ngày 18/04/2008. Quá trình chúng sống thời kì đầu vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng năm 2017 – 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do khoảng năm 2017 chị Th mượn tiền của bố đẻ anh là ông Bùi Văn T2, (bố anh đã chết năm 2020) với số tiền khoảng 200.000.000 đồng. Giấy tờ chị Th vay tiền bố anh có ghi ở quyền sở, anh sẽ về tìm lại và nộp cho Tòa án tại buổi làm việc tiếp theo. Khi vay tiền của bố anh thì chị Th không báo cho anh biết. Cũng năm 2017 chị Th có bảo anh vay hộ chị Th 300.000.000 đồng để làm ăn, do tin tưởng vợ nên anh cũng đi vay của anh em bạn bè về đưa cho chị Th số tiền trên. Anh có các giấy đi vay tiền của người khác và thế chấp sổ đỏ để mang tiền về đưa cho chị Th nhưng thực chất chị Th không làm ăn gì cả. Sau khi phát hiện việc làm của chị Th mượn tiền của bố anh không trả, lừa anh để vay hộ tiền không trả nên anh có trao đổi nói chuyện và được chị Th xác nhận và có ghi cho anh 01 giấy cam kết hoàn trả số tiền nợ của bố anh và của anh số tiền đi vay hộ, chị Th có ký tên

trong giấy cam kết. Giấy cam kết được lập ngày 16/07/2020 (Âm lịch). Anh chỉ cung cấp được cho Tòa án bản phô Giấy cam kết này vì chị Th chụp bằng điện thoại gửi qua zalo cho anh còn bản chính chị Th vẫn đang lưu giữ. Sau đó chị Th bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống và không nói năng gì và không trả nợ cho anh. Anh và chị Th đã sống ly thân kể từ tháng 01 năm 2019 đến nay. Anh cũng nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai giải quyết cho anh và chị Tạ Thị Th được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Th có 03 con chung là Bùi Đức T1- sinh ngày 03/11/2008, Bùi Văn Tường L- sinh ngày 28/08/2010, Bùi Phan Thái A- sinh ngày 03/05/2013. Anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc cả 03 con chung vì kể từ khi chị Th bỏ nhà đi đến nay các con đều do anh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Thu nhập của anh đảm bảo được cho các cháu sinh hoạt và học tập vì hiện tại anh đang làm nghề sản xuất nội thất và lắp đặt nội thất thuộc Công ty Phương Đông Group. Địa chỉ: Khu công nghiệp Chàng Sơn, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội. Thu nhập bình quân của anh từ 21.000.0000 đồng/tháng đến 24.000.000 đồng/ tháng, anh sẽ cung cấp bằng lương cho Tòa án sau. Hơn nữa các con anh đều có nguyện vọng được ở với anh. Trường hợp Tòa án chấp nhận cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung thì anh không yêu cầu chị Tạ Thị Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh và chị Tạ Thị Th không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Năm 2017 chị Th có mượn tiền của bố anh là ông Bùi Văn T2 (đã chết năm 2020) số tiền khoảng 200.000.000 đồng, cùng năm 2017 anh đi vay hộ chị Th số tiền 300.000.000 đồng. Chị Th đã thừa nhận và tự viết giấy cam kết nhận nợ số tiền 500.000.000 đồng đối với anh. Khi ly hôn, anh không yêu cầu chị Th phải trả cho anh toàn bộ số tiền này nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ giữa anh và chị Th.

Anh yêu cầu chị Th trả cho anh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 553427 của thửa đất số 623, tờ bản đồ số 12, diện tích 68m<sup>2</sup>. Địa chỉ: xóm 5, xã Th, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội đứng tên anh Bùi Thế T, do chị Th đang cầm bản gốc. Trường hợp chị Th trả cho anh Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thì anh sẽ ký đơn ly hôn. Nếu chị Th không trả thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh cũng không còn tài liệu nào khác để cung cấp cho Tòa án.

#### **Ý kiến của Kiểm sát viên:**

Về trình tự thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã được đảm bảo quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại, chị Th và anh T cùng xác nhận tình cảm vợ chồng đã hết, không thể đoàn tụ được nữa. Đề nghị áp dụng các điều 51, 56, 57, 81, 82. 83 của Luật hôn nhân và gia đình, để xử:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Tạ Thị Th và anh Bùi Thế T.

Về con chung: Giao cả ba con chung là Bùi Đức T1- sinh ngày 03/11/2008, Bùi Văn Tường L- sinh ngày 28/08/2010, Bùi Phan Thái A- sinh ngày 03/05/2013 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Th đến khi có quyết định thay đổi khác.

Về tài sản, công nợ: chị Th anh T không yêu cầu nên không phải giải quyết.

Chị Th phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- **Về tố tụng:** Anh Bùi Thế T hiện nay đang sinh sống tại xã Th, huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội nên chị Tạ Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai giải quyết ly hôn là đúng thẩm quyền theo Điều 28, Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn là anh Bùi Thế T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ điều 227; điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]- **Về hôn nhân:** Chị Tạ Thị Th và anh Bùi Thế T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội ngày 18/04/2008, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, mâu thuẫn về kinh tế trong gia đình, công nợ. Theo chị Th thì ngoài các mâu thuẫn trên, chị còn bị chồng bạo hành, anh T hay chửi mắng dọa nạt, đánh đập khiến chị cảm thấy cuộc sống luôn bị áp lực về tâm lý, cuộc sống hôn nhân ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Vợ chồng đã cố gắng hoà giải nhưng không có kết quả. Đã ly thân kể từ năm 2018 đến nay. Tại phiên tòa, chị Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với anh T.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh T đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh T cũng xác nhận tình cảm vợ chồng đã hết. Do vậy, chị Th xin ly hôn anh T là phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3]- **Về con chung:** Chị Th và anh T xác nhận vợ chồng có 03 con chung là Bùi Đức T1- sinh ngày 03/11/2008; Bùi Văn Tường L- sinh ngày 28/08/2010; Bùi Phan Thái A- sinh ngày 03/05/2013. Anh T có nguyện vọng xin được nuôi cả 03 con chung. Các cháu T1, L, A đều có nguyện vọng được sống với bố. Chị Th cũng không muốn các con phải chia rẽ khi bố mẹ ly hôn nên đồng ý giao cả 03 con chung cho anh T nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con.

Xét thấy: Từ năm 2018 vợ chồng sống ly thân đến nay thì cả 03 con chung vẫn sống cùng anh T. Các cháu vẫn được anh T và chị Th cùng chăm sóc đầy đủ, phát triển

bình thường. Anh T có đất nhà ở ổn định. Sự thỏa thuận nuôi con như trên của anh T và chị Th là tự nguyện, đáp ứng được cuộc sống, học tập ổn định của các con và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Chị Th được quyền thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh T và chị Th không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị Th đến khi có thay đổi khác.

**[4]- Về tài sản, công nợ:** Chị Th và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[5]-** Đối với việc anh T yêu cầu chị Th trả cho anh T bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 553427 của thửa đất số 623, tờ bản đồ số 12, diện tích 68m<sup>2</sup>. Địa chỉ: xóm 5, xã Th, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội đứng tên anh Bùi Thế T. Chị Th không công nhận việc cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như anh T khai. Phía anh T cũng chưa cung cấp được cho Tòa án tài liệu chứng cứ để chứng minh việc chị Th đang cất giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh T. Quá trình giải quyết vụ án do anh T vắng mặt nên giành quyền khởi kiện cho anh T đối với chị Th bằng một vụ kiện khác.

**[6]- Về án phí:** Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Chị Tạ Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và được trừ vào số tiền đã nộp dự phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quốc Oai.

**[7]- Về quyền kháng cáo:** Căn cứ các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

**1. Về hôn nhân:** Cho ly hôn giữa chị Tạ Thị Th và anh Bùi Thế T.

**2. Về nuôi con chung:** Chị Th và anh T xác nhận vợ chồng có 03 con chung là Bùi Đức T1- sinh ngày 03/11/2008, Bùi Văn Tường L- sinh ngày 28/08/2010, Bùi Phan Thái A- sinh ngày 03/05/2013.

Giao cả 03 con chung là cháu Bùi Đức T1, cháu Bùi Văn Tường L và cháu Bùi Phan Thái A cho anh Bùi Thế T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Chị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Th đến khi có thay đổi khác.

**3. Về tài sản, công nợ:** Chị Th và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Dành quyền khởi kiện cho anh T đối với chị Th bằng một vụ kiện khác đối với việc anh T yêu cầu chị Th trả cho anh T bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 553427 của thửa đất số 623, tờ bản đồ số 12. Địa chỉ: xóm 5, xã Th, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội đứng tên anh Bùi Thế T.**

**5. Về án phí:** Chị Tạ Thị Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp dự phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quốc Oai theo biên lai số 0020036 ngày 03/06/2024.

**6. Về quyền kháng:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Quốc Oai;
- Chi cục THADS huyện Quốc Oai;
- Các đương sự;
- UBND xã Th (Nơi ĐKKH);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Đỗ Ngọc Sơn**